



shàng lóu

上楼

verb · to go upstairs

Example Sentences

wǒ zuò diàn tī shàng lóu

我坐电梯上楼。

I take the elevator to go upstairs.

tā bān zhe bèn zhòng de xíng lǐ shàng lóu

他搬着笨重的行李上楼。

He is carrying heavy luggage upstairs.

Trace each character, then write the word on your own.

上	上	上	上	上	上						
楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	楼	
楼	楼	楼	楼	楼							